

Số: 56/2021/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 111/TTr-STP ngày 23 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2021 và thay thế Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Bộ Tư pháp;
- TT HĐND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, TC, NC, TP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình

QUY CHẾ

Phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Kèm theo Quyết định số 56 /2021/QĐ-UBND

ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định hình thức, nội dung phối hợp hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành.
2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế.
3. Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.
4. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; Hội doanh nhân trẻ tỉnh (viết tắt là tổ chức đại diện cho doanh nghiệp).
5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa (viết tắt là doanh nghiệp).
6. Tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 3. Mục đích phối hợp

1. Đảm bảo hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phù hợp với Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; Nghi định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020 - 2024 và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

2. Xác định trách nhiệm chủ trì, phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Nâng cao nhận thức pháp luật của doanh nghiệp và góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của cơ quan, đơn vị phối hợp.

2. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp quy định tại Quy chế này được thực hiện đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

3. Phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thực hiện thường xuyên, kịp thời và có trọng tâm, trọng điểm theo từng thời kỳ và được xác định cụ thể tại Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hằng năm và 5 năm của tỉnh. Chú trọng và quan tâm việc hỗ trợ pháp lý đối với các lĩnh vực pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; thuế; bảo hiểm; trong quá trình doanh nghiệp tiếp cận đến nguồn lực về đất đai, nguồn vốn, khoa học, công nghệ và các chính sách ưu đãi của tỉnh liên quan đến doanh nghiệp.

Chương II

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG PHỐI HỢP HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP

Điều 5. Phối hợp trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp phải tổ chức lấy ý kiến góp ý của các quan, tổ chức có liên quan; các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và các doanh nghiệp chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo;

2. Khi nhận được ý kiến góp ý của các quan, tổ chức có liên quan; tổ chức đại diện cho doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì cơ quan soạn thảo tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 6. Phối hợp cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật

1. Cơ quan soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật phối hợp với Sở Tư pháp cập nhật văn bản quy phạm pháp luật lên phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Cơ quan Công báo tỉnh có trách nhiệm đăng toàn văn văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên Công báo tỉnh theo quy định tại Điều 150 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

3. Doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp và cá nhân có liên quan được tiếp cận, sử dụng miễn phí các thông tin đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và Công báo tỉnh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 7. Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật và đăng tải các bản án, quyết định của Tòa án; phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai, có hiệu lực thi hành mà Ủy ban nhân dân tỉnh là một bên có liên quan lên Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc kết nối với Cổng thông tin điện tử công khai các văn bản này theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 7 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hệ thống hóa, cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời của bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương mình đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp trong áp dụng chung về pháp luật lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

3. Doanh nghiệp được khai thác và sử dụng miễn phí cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 8. Phối hợp phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp

1. Căn cứ vào nhiệm vụ quản lý nhà nước, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, hội nghị phổ biến các văn bản pháp luật mới có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

2. Căn cứ vào điều kiện cụ thể các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp bằng các hình thức phù hợp như:

a) Xây dựng hệ thống bài giảng, tài liệu điện tử cung cấp kiến thức pháp luật đầu tư, kinh doanh, các cam kết quốc tế và những nội dung cần thiết khác cho doanh nghiệp.

b) Thực hiện tham vấn ý kiến của các cơ quan có liên quan; các doanh nghiệp trong việc xây dựng tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật phù hợp (nếu có).

c) Mời chuyên gia, báo cáo viên chuyên ngành hoặc có kinh nghiệm để trình bày có hiệu quả nội dung các tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp.

d) Các hình thức phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật phù hợp khác.

3. Việc tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm để giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương phải có kế hoạch

cụ thể và tránh trùng lặp về nội dung, thời gian tổ chức; chú trọng các quy định, những đối tượng cần hỗ trợ pháp lý kịp thời, ảnh hưởng trực tiếp.

Điều 9. Phối hợp trong việc tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận, tổng hợp các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp liên quan đến các quy định pháp luật, quyết định hành chính, hành vi hành chính và các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp qua các hình thức văn bản giấy, thư điện tử, hội nghị, hội thảo, tọa đàm hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết, cơ quan, đơn vị, địa phương trả lời cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị, phản ánh. Trường hợp kiến nghị, phản ánh phức tạp thì được kéo dài thời hạn giải quyết nhưng không vượt quá 30 ngày làm việc.

Nếu có lý do chính đáng để không giải đáp pháp luật thì cơ quan được yêu cầu giải đáp phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp.

b) Trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc cần lấy ý kiến phối hợp thì trong thời hạn 02 ngày làm việc phải chuyển kiến nghị, phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc cơ quan phối hợp. Cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến phối hợp có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) làm việc.

c) Tổng hợp kết quả tiếp nhận, xử lý những kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp để báo cáo theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Thực hiện các quy định tại Khoản 2 nêu trên và có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp khi các cơ quan, đơn vị, địa phương không thống nhất với nhau về thẩm quyền giải quyết.

b) Làm đầu mối tổng hợp kết quả tiếp nhận, xử lý những kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp từ các cơ quan, đơn vị, địa phương để báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu.

Điều 10. Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1. Các Sở, ban, ngành, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp thực hiện:

a) Thông báo đến Sở Tư pháp đối với Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do cơ quan, tổ chức ban hành hoặc tham mưu ban hành.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp để thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (nếu cần thiết);

2. Sở Tư pháp thực hiện

a) Tổng hợp thông tin về chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp từ các sở, ban, ngành có liên quan.

b) Phối hợp với các Sở, ban, ngành để thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nếu có yêu cầu.

c) Chủ trì tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hàng năm (nếu có).

Điều 11. Khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, các Sở, ban, ngành khác có liên quan có trách nhiệm:

1. Tham gia Đoàn khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

2. Thực hiện góp ý và hoàn chỉnh Phiếu khảo sát;

3. Tổng hợp, đánh giá, phân tích kết quả khảo sát;

4. Báo cáo kết quả khảo sát.

Điều 12. Báo cáo công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp

1. Các Sở, ban, ngành có liên quan thực hiện công tác báo cáo như sau:

a) Báo cáo định kỳ công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền liên quan hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

c) Báo cáo các nội dung khác liên quan đến công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (nếu có).

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

Tổng hợp, báo cáo công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Chương III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

b) Làm đầu mối tổng hợp các ý kiến, kết quả thực hiện công tác phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp quy định tại Quy chế này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan khác có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định.

2. Sở Tài chính

Căn cứ các nội dung của Quy chế này và khả năng cân đối của ngân sách, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nguồn kinh phí thực hiện nội dung theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời cập nhật, đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật lên Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc liên kết với Cổng thông tin điện tử khác theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan. Bổ sung mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong chuyên mục doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

4. Các Sở, ban, ngành và địa phương

a) Căn cứ kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chủ động thực hiện nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực hoặc theo địa bàn quản lý.

b) Thực hiện tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu, kiến nghị của doanh nghiệp theo thẩm quyền. Tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này.

Điều 14. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp các bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai mà Ủy ban nhân dân tỉnh là một bên có liên quan theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hoặc kết nối với Cổng thông tin điện tử công khai các văn bản này.

Điều 15. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Bố trí người làm công tác pháp chế doanh nghiệp hoặc thuê Luật sư tư vấn để giúp doanh nghiệp thực thi pháp luật.

2. Chủ động tìm hiểu pháp luật, liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cung cấp thông tin, giải đáp các vướng mắc của doanh nghiệp.

3. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý theo quy định tại Quy chế này.

4. Thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết về nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức đại diện cho doanh nghiệp

1. Chủ trì, tham gia xây dựng, thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ.

2. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp là hội viên trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; huy động các nguồn lực để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là thành viên.

3. Tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tham gia đánh giá cơ sở dữ liệu về pháp luật và chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

4. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

Điều 17. Kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật và nguồn kinh phí hỗ trợ khác (nếu có).

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, bất cập, đề nghị cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.